

Số: 75 /2025/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ đi lại đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 52/2019/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số 3795/TTr-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 241/BC-HĐND ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đi lại đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đi lại đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã do thay đổi trụ sở làm việc sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được điều động, luân chuyển, biệt phái, phân công công tác đến làm việc tại đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp.

Điều 2. Mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ mức 2.000.000 đồng/người/tháng đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này trong trường hợp phát sinh tăng thêm khoảng cách đi đến trụ sở cơ quan mới so với đi đến trụ sở cơ quan cũ, cụ thể:

a) Từ 10 km trở lên đối với trụ sở cơ quan mới đặt tại địa bàn các xã, phường, đặc khu khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ninh theo Quyết định số 3424/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Từ 15 km trở lên đối với trụ sở cơ quan mới đặt tại các địa bàn còn lại.

2. Hỗ trợ mức 3.000.000 đồng/người/tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại đảo Quan Lạn, Minh Châu, Thắng Lợi, Ngọc Vũng, Bản Sen làm việc tại trung tâm hành chính đặc khu Vân Đồn.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Không áp dụng chính sách này đối với các trường hợp sau:

a) Công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đã được bố trí nhà ở công vụ, phương tiện đưa đón.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc đối tượng, phạm vi áp dụng chính sách quy định tại Nghị quyết này, đồng thời thuộc đối tượng, phạm vi áp dụng của chính sách quy định tại Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc thường xuyên tại một số địa bàn thuộc tỉnh Quảng Ninh và các nghị quyết khác của Hội đồng nhân dân tỉnh thì chỉ được hưởng một chính sách cao nhất.

3. Thời gian hưởng mức hỗ trợ: Thời gian làm việc thực tế dưới 15 ngày/tháng được tính bằng $\frac{1}{2}$ mức hỗ trợ; từ 15 ngày/tháng trở lên tính tròn 01 tháng.

4. Thời gian không được hỗ trợ, bao gồm:

a) Thời gian nghỉ việc không hưởng lương liên tục từ một tháng trở lên.

b) Thời gian nghỉ ốm đau, thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

c) Thời gian bị tạm đình chỉ công tác, tạm giữ, tạm giam theo quy định.

Điều 4. Thời gian và hình thức hỗ trợ

1. Chính sách này được thực hiện trong 36 tháng kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

2. Hình thức hỗ trợ: Việc hỗ trợ được chi trả cùng kỳ lương tháng sau liền kề theo thời gian thực tế làm việc của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và không làm căn cứ tính các chế độ, phụ cấp khác.

Điều 5. Nguồn kinh phí

Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên do đơn vị tự bảo đảm.

Điều 6. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; hằng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm toàn diện trong việc xác định đối tượng, nguyên tắc áp dụng, tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được quy định tại Nghị quyết này; không để xảy ra vi phạm, trục lợi chính sách gây thất thoát ngân sách nhà nước. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, kịp thời phát hiện xử lý nghiêm đối với các vi phạm (nếu có).

2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIV, Kỳ họp thứ 32 thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2025

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ4.

CHỦ TỊCH

Trịnh Thị Minh Thanh